TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 20 tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 212, 213, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Số A, khu phố C, phường D (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Châu Thị Ngọc S, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn Đ và bà Châu Thị Ngọc S tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/7/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Ông Đ và bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên

ông Đ và bà S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 22/5/1998 và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 22/10/1999 và Võ Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/01/2014, con đang sống chung với bà S. Ông Đ và bà S thống nhất sau khi ly hôn, bà S được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/01/2014, sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của con chung. Ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng), tính từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung Võ Ngọc Bảo C đủ 18 tuổi. Riêng hai con chung Võ Thị Ngọc T và Võ Thị Ngọc N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Đ và bà S khai không có nên không xét đến.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Đ và bà S thống nhất tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của ông Đ và bà S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn Đ và bà Châu Thị Ngọc S thuận tình ly hôn. Ông Đ và bà S không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

- Về con chung: Bà Châu Thị Ngọc S được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/01/2014, hiện cháu C đang sống cùng với bà S. Ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng), tính từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung Võ Ngọc Bảo C đủ 18 tuổi.

Riêng hai con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 22/5/1998 và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 22/10/1999 đã trưởng thành nên không xét đến.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Võ Văn Đ và bà Châu Thị Ngọc S tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005550 ngày 06 tháng 01 năm 2025 của của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Đ và bà S đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm My